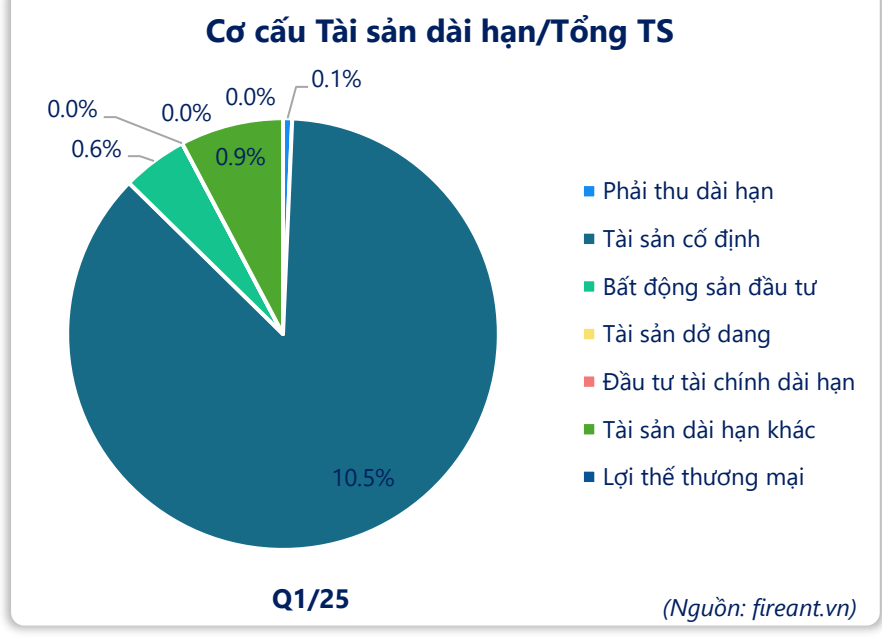
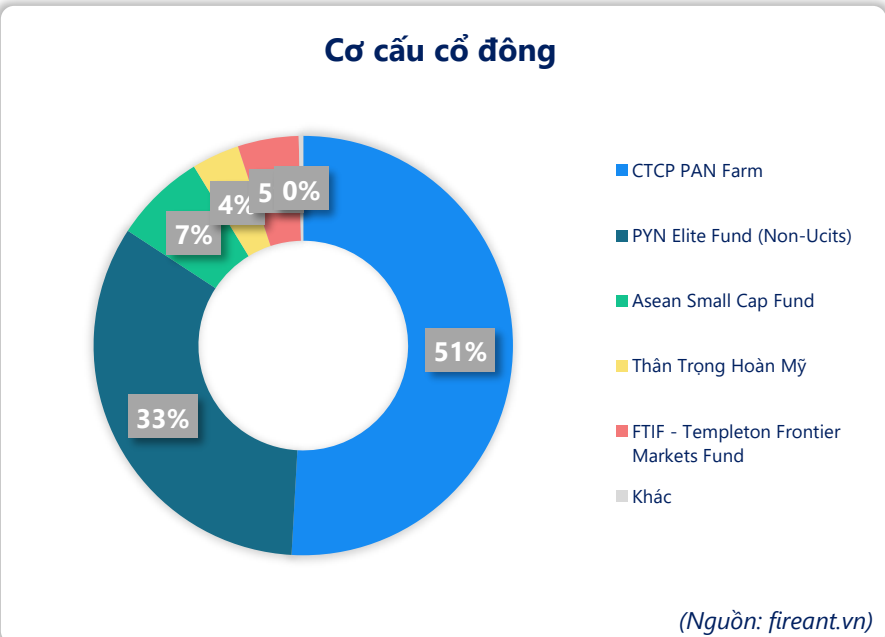
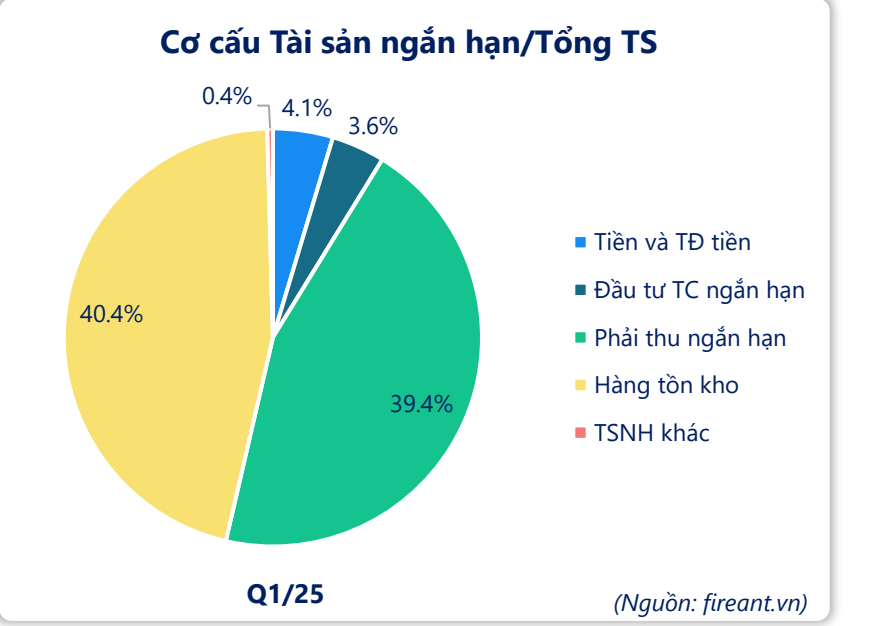
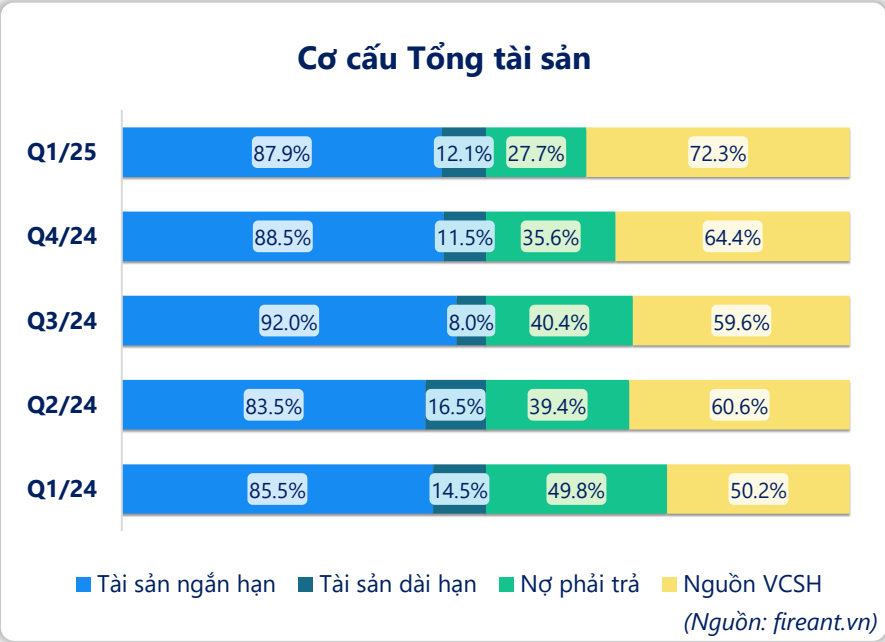
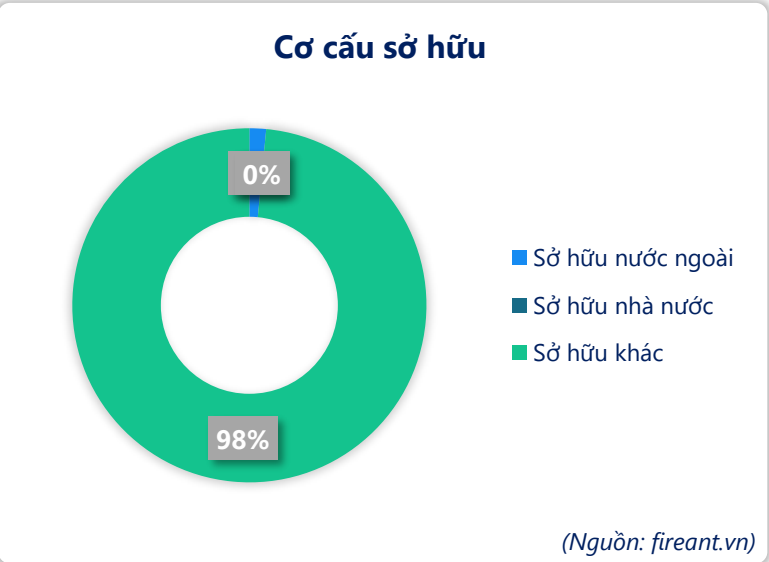
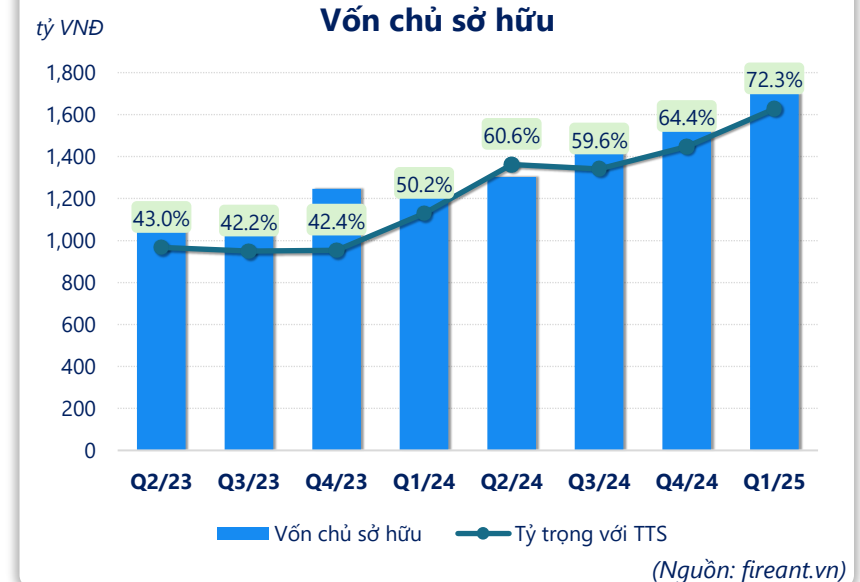
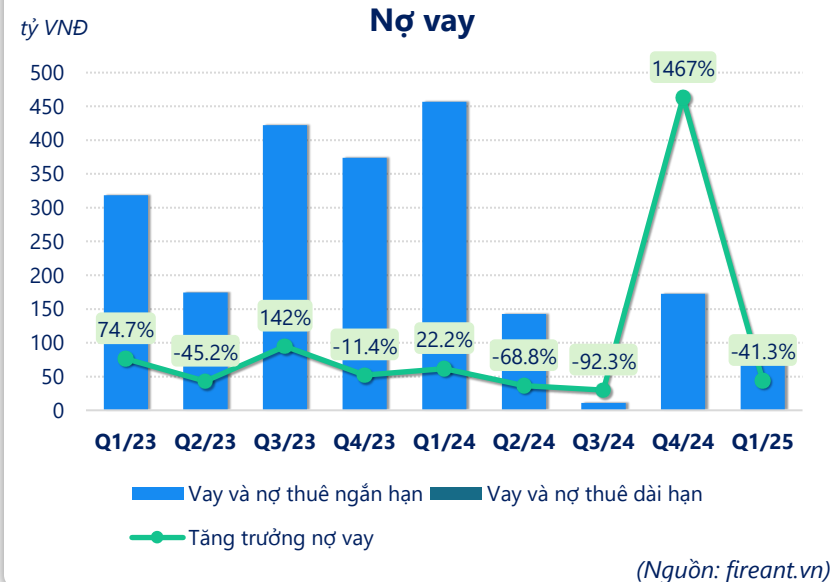
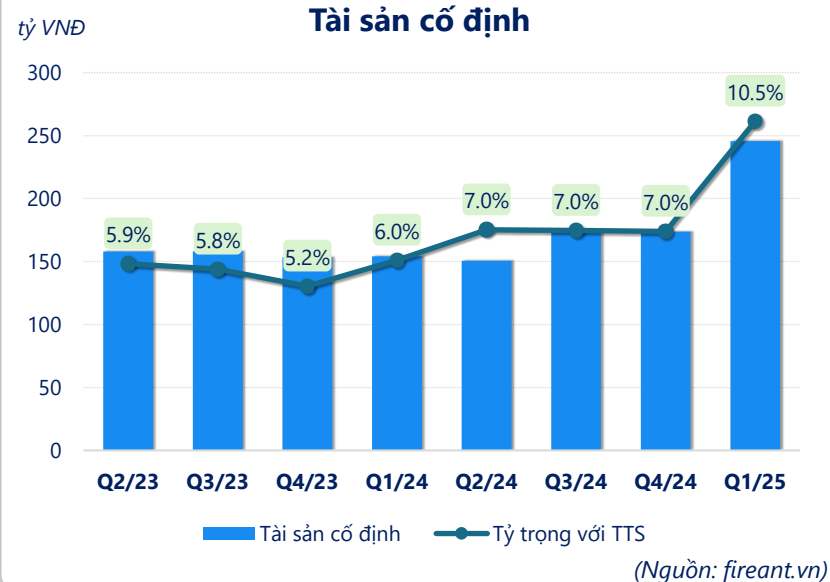
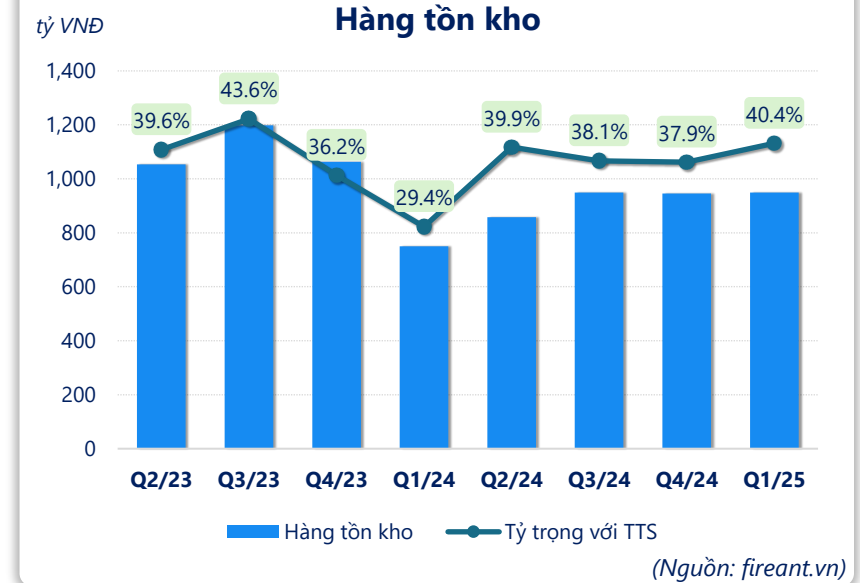
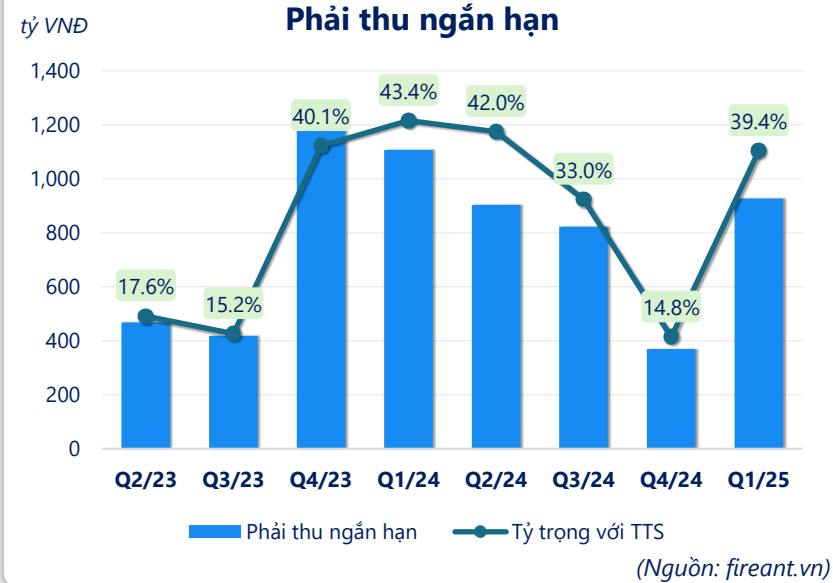
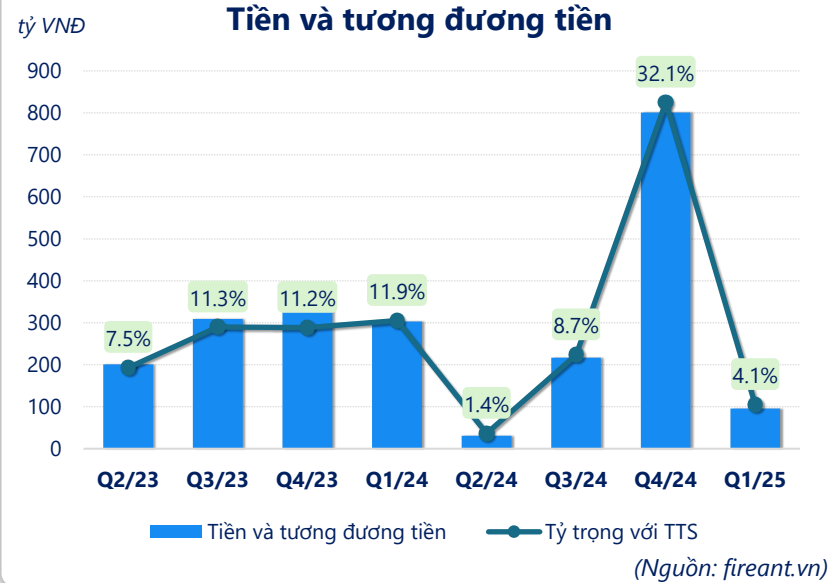
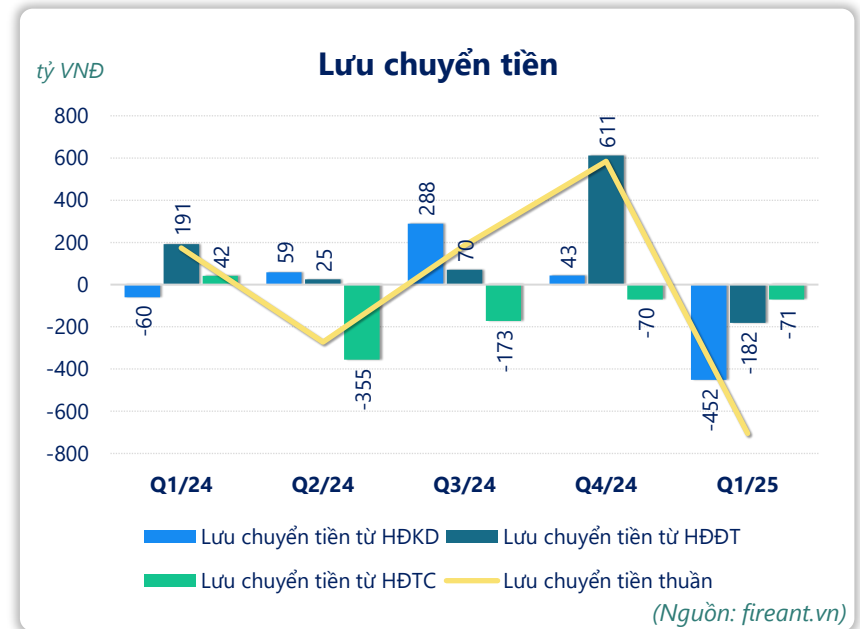
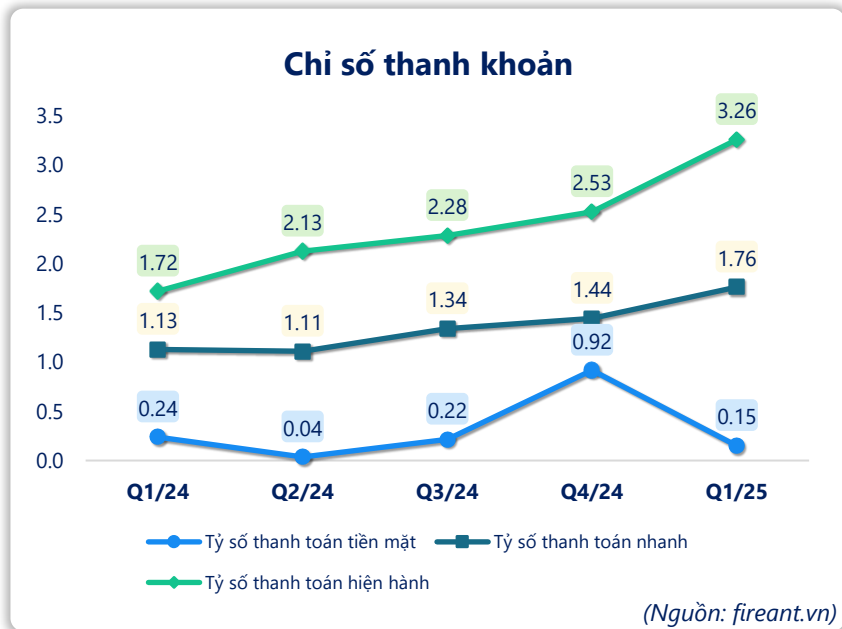
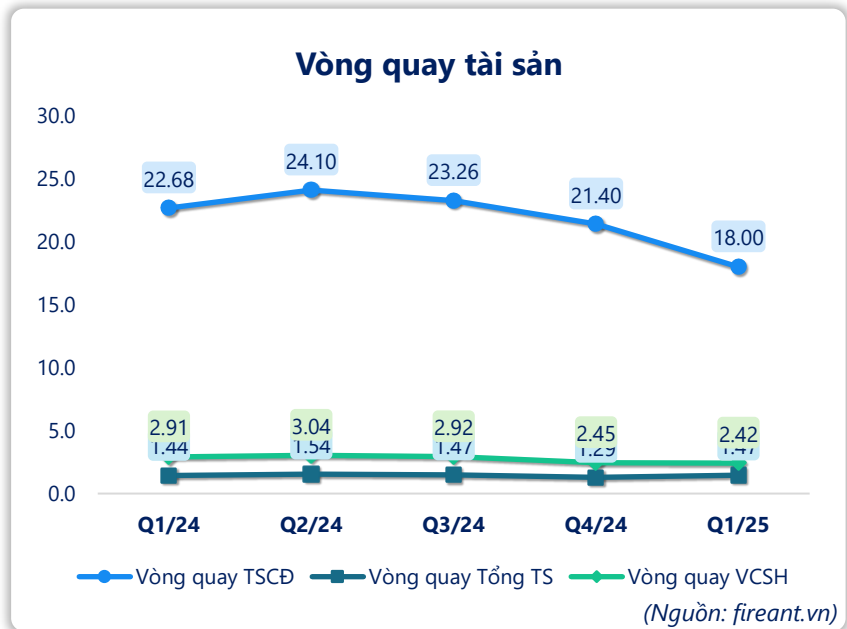
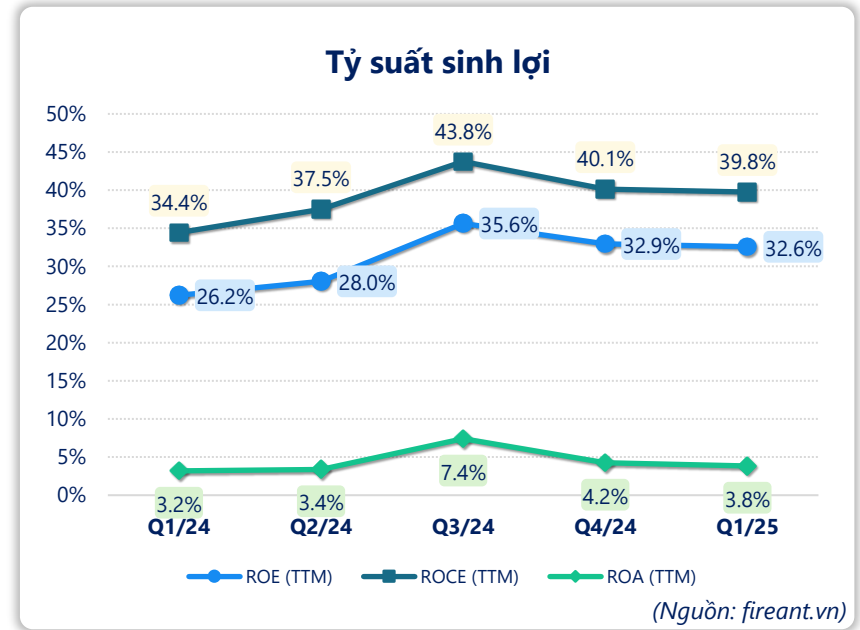
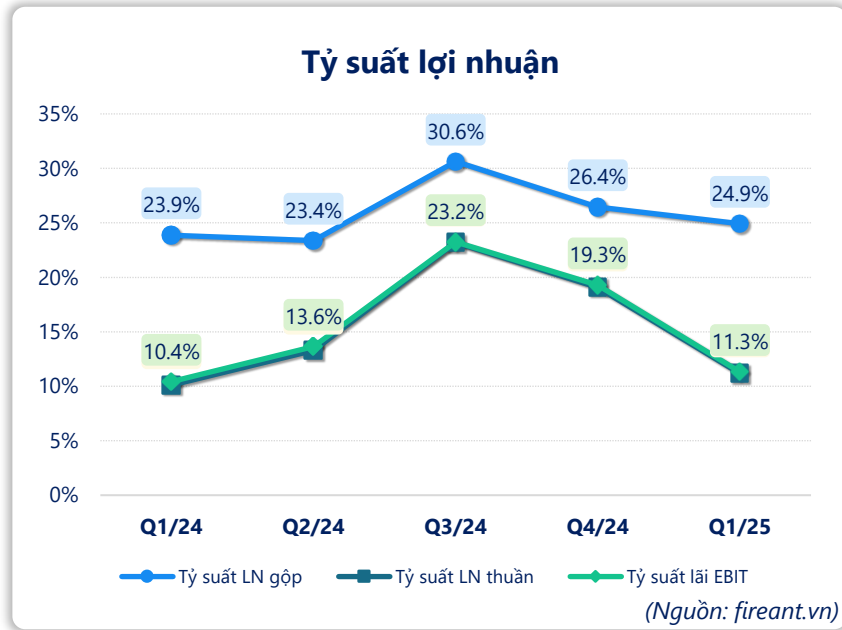
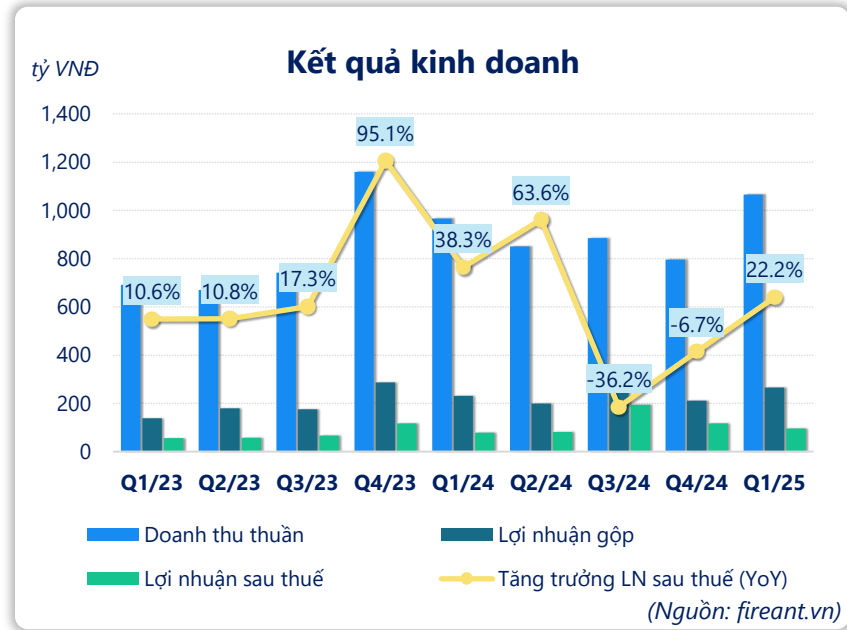


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		71,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		90,021
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		54,867
SL cổ phiếu LH		41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)		31,130
% sở hữu nước ngoài		1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,970
P/E		6.1
EPS		11,629

	YTD	1T	3T	6T
VFG	-10.9%	0.9%	-13.9%	2.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,349	2,496	-5.9%
Tài sản ngắn hạn	2,065	2,207	-6.4%
Tiền và tương đương tiền	95.9	801	-88.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.3	83.3	2.4%
Phải thu ngắn hạn	926	369	151%
Hàng tồn kho	949	946	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.85	8.10	9.2%
Tài sản dài hạn	283	289	-1.9%
Phải thu dài hạn	1.94	2.00	-3.1%
Tài sản cố định	246	250	-1.8%
Bất động sản đầu tư	13.9	14.1	-1.3%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.9	22.6	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	650	890	-26.9%
Nợ ngắn hạn	634	874	-27.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	101	172	-41.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.4	121	-50.9%
Nợ dài hạn	16.2	16.3	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,698	1,606	5.8%
Vốn chủ sở hữu	1,698	1,606	5.8%
Vốn điều lệ	417	417	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	966	851	885	796	1,066
Giá vốn hàng bán	735	652	614	585	800
Lợi nhuận gộp	231	199	271	210	266
Doanh thu HĐTC	15.6	19.4	20.4	72.8	18.6
Chi phí TC	6.60	14.4	77.1	8.94	6.75
Chi phí lãi vay	2.17	2.03	0.76	1.14	1.51
LN trong công ty LKLD	0	0	169	0	0
Chi phí bán hàng	118	75.2	166	80.4	126
Chi phí QLDN	24.1	15.7	12.1	42.1	32.2
LN thuần từ HĐKD	97.6	113	205	152	119
Lợi nhuận khác	0.93	1.06	-0.32	0.45	-0.11
LN trước thuế	98.5	114	205	152	119
Lợi nhuận sau thuế	78.7	81.5	194	116	95.2
LNST của CĐ cty mẹ	78.7	81.5	194	115	94.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-60.0	58.7	288	42.9	-452
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	191	24.6	70.2	611	-182
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	41.8	-355	-173	-69.9	-71.2
Tiền đầu kỳ	130	303	30.6	216	801
Lưu chuyển tiền thuần	173	-272	186	584	-705
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-0.03	-0.01	0.02	0.01
Tiền cuối kỳ	303	30.6	216	801	95.9

(Nguồn: fireant.vn)